

Đáp án đề thi học phần môn luật kinh tế 2

ĐÁP ÁN HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ - K11 (LẦN 1)

NGÀY THI: SÁNG 05/07/2010

ĐỀ SỐ 01

.....

CÂU 1 (2.50 điểm): Giải thích các nhận định

SV trả lời chính xác và giải thích hợp lý cho từng nhận định khẳng định thì đạt: 0.50 điểm/
nhận định (chỉ trả lời đúng hay sai phù hợp với từng nhận định mà không giải thích thì đạt 0.25
điểm/nhận định; SV giải thích theo cách khác với cách giải thích d ưới đây nhưng nếu hợp lý thì
vẫn chấp nhận cho điểm tối đa):

a) Nhận định a là nhận định sai.

GT: Việc tuyên bố phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã là cả một quá trình kể từ khi nộp đơn
thụ lý đến khi tuyên bố phá sản DN, HTX. Có trường hợp nộp đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản
nhưng toà án vẫn không ra quyết định mở thủ tục phá (các tr ường hợp không mở thủ tục phá
sản) hoặc trong quá trình áp dụng biện pháp phục hồi hoạt động kinh doanh th ì doanh nghiệp đó
lầm ăn có hiệu quả, tình hình tài chính lành mạnh và thanh toán đầy đủ các khoản nợ,....

b) Nhận định b là nhận định đúng.

GT: Theo quy định Luật Hợp tác xã năm 2003, Xã viên là cá nhân thì người đó là công dân
Việt Nam từ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi dân sự đầy đủ, có góp vốn, góp sức,... v à theo
quy định Bộ luật Dân sự thì người thành niên là người từ đủ 18 tuổi trở lên, có năng lực hành vi
dân sự đầy đủ (trừ trường hợp mất hoặc bị hạn chế năng lực h ành vi dân sự).

c) Nhận định c là nhận định sai.

GT: Trong trường hợp các cổ đông sáng lập thỏa m ãn điều kiện tại khoản 1 Điều 84 LDN
(cùng nhau đăng ký mua ít nhất 20% tổng số cổ phần phổ thông đ ược quyền chào bán) thì cổ
đông sáng lập được quyền chuyển nhượng cổ phần phổ thông cho cổ đông sáng lập khác hoặc

cho người không phải là cổ đông sáng lập theo quy định tại Khoản 5 Điều 84 LDN.

d) Nhận định d là nhận định đúng.

GT: Doanh nghiệp nhà nước tồn tại ở hình thức công ty trách nhiệm hữu hạn hoặc công ty cổ phần. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp thì đây là loại hình doanh nghiệp được quyền phát hành chứng khoán theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

e) Nhận định e là nhận định sai.

GT: Ngoài việc giải quyết tranh chấp bằng trọng tài do các bên thỏa thuận thì Tòa án cũng có thẩm quyền giải quyết tranh chấp về kinh doanh, thương mại theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 (các bên không có thỏa thuận trọng tài hoặc có thỏa thuận trọng tài nhưng thỏa thuận trọng tài vô hiệu).

CÂU 2 (3.50 điểm):

a) Phân biệt những điểm khác nhau cơ bản giữa loại hình công ty TNHH một thành viên và DNTN (2.00 điểm):

* SV trình bày những sự khác nhau sau đây thì đạt tối đa: 1.75 điểm:

- Chủ sở hữu (0.25 điểm): Điều là 01 chủ sở hữu nhưng DNTN do 01 cá nhân làm chủ sở hữu, CT TNHH một thành viên là do 01 cá nhân hoặc 01 tổ chức làm chủ sở hữu.

- Quyền kinh doanh (0.25 điểm): Mỗi cá nhân chỉ được phép thành lập 01 DNTN và không được quyền thành lập thêm doanh nghiệp khác. Chủ sở hữu của CT TNHH một thành viên không bị hạn chế về số lượng DN được thành lập.

- Vốn và huy động vốn (0.25 điểm): Công ty TNHH Một thành viên không được quyền phát hành cổ phần. DNTN không có quyền phát hành chứng khoán.

Vốn của DNTN do chủ doanh nghiệp tự kê khai (vốn đầu tư ban đầu). Trong quá trình hoạt động, Chủ DNTN có quyền tăng hoặc giảm vốn đầu tư ban đầu của mình nhưng phải ghi vào sổ kế toán, chỉ được giảm thấp hơn mức vốn đã đăng ký khi được sự chấp thuận của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; CT TNHH một thành viên: Vốn điều lệ do chủ sở hữu bỏ ra.

- Cơ cấu quản lý (0.25 điểm): Chủ DNTN có thể trực tiếp hoặc gián tiếp điều hành, quản lý doanh nghiệp (có thể làm giám đốc hoặc thuê giám đốc). Đối với CT TNHH một TV thì tùy thuộc là một tổ chức hoặc một cá nhân mà cơ cấu tổ chức khác (Trong CTTNHH một thành viên là tổ chức thì Chủ sở hữu công ty bổ nhiệm một hoặc một số người đại diện theo quyền với nhiệm kỳ không quá 05 năm để thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật; Nếu là cá nhân thì cơ cấu có Chủ tịch công ty, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, trong đó chủ sở hữu công ty đồng thời là Chủ tịch công ty, Chủ tịch công ty có thể kiêm nhiệm hoặc thuê người khác làm Giám đốc hoặc Tổng giám đốc).

- Tư cách pháp nhân (0.25 điểm): DNTN không có tư cách pháp nhân nhưng CT TNHH một thành viên có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD.

- Trách nhiệm tài sản (0.25 điểm): Chủ DNTN phải chịu trách nhiệm toàn bộ về tất cả các nghĩa vụ tài sản (trách nhiệm vô hạn trong kinh doanh); Chủ sở hữu CTTNHH một TV chỉ chịu trách nhiệm tài sản trong phạm vi số vốn điều lệ.

* Diễn đạt tốt và nêu ra một số điểm khác nhau khác nhau về tổ chức lại doanh nghiệp,...: tối đa đạt 0.25 điểm.

b) Trình bày những trường hợp hợp đồng mua bán hàng hóa không có hiệu lực pháp lý (vô hiệu): 17.50 điểm

* Hợp đồng mua bán hàng hóa vẫn là hợp đồng nên SV có thể trình bày theo quy định của BLDS với tư cách là luật chung để chỉ ra các trường hợp cụ thể về vô hiệu được quy định từ Điều 128 đến Điều 134 (không yêu cầu nêu đúng tên điều luật mà chỉ cần xác định các trường hợp vô hiệu):

- Vô hiệu do vi phạm điều cấm, trái đạo đức xã hội (0.25 điểm).

- Vô hiệu do giả tạo (0.25 điểm).

- Vô hiệu do người chưa thành niên, người mất năng lực HVDS, bị hạn chế năng lực HVDS xác lập (0.25 điểm).

- Vô hiệu do nhầm lẫn (0.25 điểm).

- Vô hiệu do bị lừa dối, đe dọa (0.25 điểm).

- Vô hiệu do người không nhận thức và làm chủ được hành vi xác lập (0.25 điểm).

- Vô hiệu do không tuân thủ quy định về hình thức (0.25 điểm).

* SV có thể gộp lại thành 04 điều kiện của phần chung về những vấn đề cơ bản về hợp đồng để trình bày (không yêu cầu phân tích; Nếu chỉ kể tên ra 04 loại trường hợp mà không giải thích thì đạt 0.50 điểm).

- Các bên giao kết hợp đồng không có năng lực chủ thể (0.50 điểm)

- Các bên tham gia giao kết hợp đồng không hoàn toàn tự nguyện (0.50 điểm)

- Nội dung của hợp đồng được trái pháp luật, đạo đức xã hội (0.50 điểm).

- Không tuân thủ quy định về hình thức (0.25 điểm).

(Trình bày các điều kiện có hiệu lực để chứng minh ngược lại thì hợp đồng không có hiệu lực pháp luật)

CÂU 3 (4.00 điểm): Bài tập tình huống:

a) Xác định người đại diện (0.75 điểm): Ông B là người đại diện cho doanh nghiệp trong mọi trường hợp là sai (0.25 điểm). Bởi vì, Theo quy định LDN (cụ thể là Điều 67), đối với loại hình công ty TNHH có hai thành viên thì người đại diện theo pháp luật của công ty có thể là Chủ tịch Hội đồng thành viên hoặc Giám đốc (tổng giám đốc) và phải căn cứ vào Điều lệ công ty quy định (0.25 điểm). Do đó, ông B hoặc ông C là người đại diện theo pháp luật của công ty thì phải căn cứ vào điều lệ công ty này (0.25 điểm). b) Xác định tỷ lệ chia lợi nhuận (1.00 điểm):

- Theo quy định của LDN (Điều 38, Điều 41), thành viên của công ty được chia lợi nhuận tương ứng với phần vốn góp sau khi công ty đã nộp thuế và hoàn thành các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định pháp luật (0.25 điểm). Thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào công ty (0.25 điểm).

- Trong công ty TNHH X, số vốn cam kết của các thành viên A-B-C-H-K với tỷ lệ tương

ứng là 1:2:3:2:2 (Cam kết góp tương ứng: 300 triệu đồng- 600 triệu đồng-900 triệu đồng-600 triệu đồng- 600 triệu đồng). Do đó việc chia lợi nhuận của công ty phải theo tỉ lệ này (0.25 điểm).

- Ông A và bà K chưa góp đủ số vốn cam kết thì đây là nợ của thành viên đối với công ty và sẽ chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại phát sinh xảy ra do việc góp vốn chậm theo Điều 39 LDN. Vậy lợi nhuận 900 triệu đồng (sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính) sẽ được chia với tỉ lệ như trên (ông A: 90 triệu đồng; ông B: 180 triệu đồng; ông C: 270 triệu đồng; bà H: 180 triệu đồng; Bà K: 180 triệu đồng). (0.25 điểm).

* Nếu xác định đúng tỷ lệ mà không nêu các căn cứ, giải thích gì thêm thì chỉ đạt: 0.50 điểm.

c) Xử lý phần vốn góp của H (0.5 0 điểm):

-Theo quy định của Luật DN (cụ thể là Khoản 4 Điều 45): Phần vốn góp của H được xử lý theo quy định của pháp luật dân sự khi H chết vào ngày 01/04/2010 mà không có người thừa kế di sản (0.25 điểm).

- Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 thì sau khi thực hiện nghĩa vụ về tài sản của H thì phần còn lại thuộc về nhà nước (0.25 điểm).

d) Xác định cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết tranh chấp (1.75 điểm):

Căn cứ vào Bộ luật Tố tụng dân sự 2004 để xác định thẩm quyền của Tòa án:

* Tranh chấp phát sinh giữa các thành viên của công ty với nhau liên quan đến hoạt động kinh doanh của công ty TNHH X (1.25 điểm):

- Thẩm quyền theo vụ việc (Khoản 3 Điều 29 BL TTDS 2004): 0.25 điểm.

- Thẩm quyền theo lãnh thổ: 0.25 điểm

- Thẩm quyền của Tòa án các cấp: 0.25 điểm.

☐ Giải thích và kết luận: Tòa án nhân dân tỉnh N có thẩm quyền giải quyết tranh chấp:

0.50 điểm (nếu chỉ nêu Tòa án tỉnh N giải quyết mà không giải thích hoặc giải thích sai thì đạt

0.25 điểm).

* Trường hợp C vi phạm pháp luật trong hoạt động kinh doanh (0.50 điểm):

Chỉ yêu cầu SV xác định loại quan hệ phát sinh và chỉ rõ cơ sở là khoản 3 Điều 29

BLTTDS (0.25 điểm) và Tòa án nhân dân cấp tỉnh (TAND tỉnh N) giải quyết thì cơ quan tiếp theo có thẩm quyền giải quyết là Tòa án nhân dân tối cao (0.25 điểm).

(Không yêu cầu trình bày vấn đề xử phạt hình sự hay hành chính nếu có)

.....

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ

K11- CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

Ngày thi: Sáng 5/7/2010

Đề số 02

Câu 1 (4.50 điểm)

- Nếu sinh viên chỉ nêu các nhận định a, d, e, f “sai” và b, c “đúng”, đạt 0.25

điểm/nhận định

- Nếu sinh viên nêu nhận định a, d, e, f “sai”; b, c “đúng” và giải thích đúng, đầy đủ,

hợp lý đạt 0.75 điểm/nhận định

- Sinh viên trả lời theo cách khác nhưng hợp lý vẫn đạt điểm tối đa cho mỗi nhận định.

a. Nhận định a sai (0.25 điểm). Tùy loại hình doanh nghiệp và điều lệ công ty quy định

(0.25 điểm). Ví dụ: Đối với công ty hợp danh, các thành viên hợp danh là đại diện theo pháp luật

của công ty; đối với công ty TNHH thì chủ tịch Hội đồng thành viên, Chủ tịch công ty hoặc

Tổng giám đốc (giám đốc) là đại diện theo pháp luật, đối với công ty cổ phần thì nếu điều lệ

công ty không quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật thì Tổng giám đốc

(giám đốc) sẽ thực hiện chức năng này (0.25 điểm). (Lưu ý: Ví dụ chỉ cần nêu ra một trường hợp

cụ thể hợp lý)

b. Nhận định b đúng (0.25 điểm). Thẩm quyền giải quyết tranh chấp thương mại của trọng tài thương mại không phụ thuộc vào trụ sở hay nơi cư trú của bị đơn. Trọng tài chỉ có thẩm quyền giải quyết tranh chấp kinh doanh, thương mại nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp mà các bên có thỏa thuận bằng văn bản đồng ý giải quyết tranh chấp giữa các bên bằng trọng tài (0.25 điểm). Việc Trọng tài giải quyết tranh chấp tại địa điểm nào phụ thuộc vào sự thỏa thuận của các bên (0.25 điểm).

c. Nhận định c đúng (0.25 điểm). Để đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng của các bên tham gia quan hệ hợp đồng, bảo vệ lợi ích của xã hội, việc giao kết hợp đồng phải tuân thủ những quy tắc nhất định do pháp luật về hợp đồng quy định (0.25 điểm). Khi giao kết hợp đồng, các bên phải tuân thủ triệt để những nguyên tắc này. Nếu các bên không tuân thủ, hợp đồng sẽ bị vô hiệu (0.25 điểm).

d. Nhận định d sai (0.25 điểm). Thời hiệu khởi kiện đối với hợp đồng dân sự (0.25 điểm) và hợp đồng thương mại là 02 năm kể từ ngày quyền và lợi ích hợp pháp bị xâm hại (0.25 điểm).

e. Nhận định e sai (0.25 điểm). Trách nhiệm bồi thường thiệt hại áp dụng khi bên bị vi phạm hợp đồng (thương mại) chứng minh bên vi phạm có hành vi vi phạm, có thiệt hại thực tế xảy ra, hành vi vi phạm là nguyên nhân gây ra thiệt hại (0.25 điểm). Đối với hợp đồng thương mại, yếu tố lỗi không phải là cơ sở để xác định trách nhiệm hợp đồng đối với bên vi phạm (0.25 điểm)

f. Nhận định f sai (0.25 điểm). Cuộc họp đại hội đồng cổ đông lần thứ 1 được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện ít nhất 65% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết (0.25 điểm); tỷ lệ cụ thể do điều lệ công ty quy định (0.25 điểm).

Câu 2 (3.00 điểm)

Câu a (2.00 điểm).

* Xác định các điều kiện đã nêu để lựa chọn loại hình doanh nghiệp phù hợp (1.25

điểm)

Với những điều kiện trên thì A, B, C có thể lựa chọn loại hình công ty TNHH từ hai thành viên trở thành lên để thành lập (0.25 điểm). Theo quy định của pháp luật hiện hành thì thủ tục đăng ký kinh doanh của doanh nghiệp đơn giản. Sau khi tiến hành đầy đủ thủ tục hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của pháp luật doanh nghiệp, Doanh nghiệp có thể nộp hồ sơ lên phòng đăng ký kinh doanh thuộc Sở kế hoạch đầu tư (0.25 điểm). Trong thời hạn 10 ngày làm việc (Theo Nghị định 43/2010/ ND_CP về đăng ký doanh nghiệp là 5 ngày làm việc), kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Phòng Đăng ký kinh doanh cấp tỉnh cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh

doanh (0.25 điểm). Về đối tượng thành viên tham gia góp vốn có thể là tổ chức, cá nhân; số lượng thành viên không vượt quá năm mươi. Về tính chất trách nhiệm thành viên chịu trách nhiệm hữu hạn về các khoản nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của doanh nghiệp trong phạm vi số vốn đã cam kết góp vào doanh nghiệp (0.25 điểm). Công ty trách nhiệm hữu hạn có tư cách pháp nhân kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (0.25 điểm)

* Lý giải vì sao lựa chọn loại hình này để thành lập (0.75 điểm)

Công ty TNHH là một loại hình doanh nghiệp có tư cách pháp lý rõ ràng, thành viên công ty chỉ trách nhiệm về các hoạt động của công ty trong phạm vi số vốn góp vào công ty nên ít gây rủi ro cho người góp vốn (0.25 điểm); Số lượng thành viên công ty trách nhiệm không nhiều và các thành viên thường là người quen biết, tin cậy nhau, nên việc quản lý, điều hành công ty không quá phức tạp (0.25 điểm); Chế độ chuyển nhượng vốn được điều chỉnh chặt chẽ nên nhà đầu tư dễ dàng kiểm soát được việc thay đổi các thành viên, hạn chế sự thâm nhập của người lạ vào công ty (0.25 điểm).

Câu b (1.00 điểm). Trong quá trình hoạt động nếu một thành viên muốn chuyển nhượng vốn thì phải tiến hành bằng cách chào bán phần vốn đó cho các thành viên còn lại (0.25 điểm) theo tỷ lệ tương ứng với phần vốn góp của họ trong công ty với cùng điều kiện (0.25 điểm). Chỉ được chuyển nhượng cho người không phải là thành viên nếu các thành viên còn lại của công ty

không mua(0.25 điểm) hoặc không mua hết trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày chào bán(0.25 điểm).

Câu 3 (2.50 điểm):

Ngày 10.2.2007, Tòa án nhân dân Thành phố B ra quyết định mở thủ tục phá sản công ty

X. Sau khi Hội nghị chủ nợ không thành, Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục và tiến hành thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật phá sản thì việc phân chia nợ cho các chủ nợ được tiến hành theo thứ tự ưu tiên thanh toán, như sau:

1. Chi phí phá sản là 50 triệu VNĐ (0.25 điểm)

2. Khoản nợ lương người lao động 1 tỷ VNĐ (0.25 điểm)

3. Các khoản trợ cấp khác là 500 triệu VNĐ (0.25 điểm)

4. Khoản nợ bảo hiểm xã hội là 500 triệu VNĐ (0.25 điểm)

5. Nợ các chủ nợ không bảo đảm là 1 tỷ (Trong đó, chủ nợ A: 300 triệu VNĐ, chủ nợ B:

300 triệu VNĐ, chủ nợ C: 400 triệu VNĐ) (0.25 điểm). Các khoản nợ không có bảo đảm này

phải trả cho các chủ nợ trong danh sách theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ thanh toán các

khoản nợ thì mỗi chủ nợ được thanh toán đủ số nợ của mình(0.50điểm); nếu giá trị tài sản không

đủ thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của

mình(0.50 điểm) theo tỉ lệ tương ứng (0.25 điểm).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ

K11- CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

Ngày thi: Sáng 5/7/2010

Đề số 03

Câu 1 (4.50 điểm)

- Nếu sinh viên chỉ nêu các nhận định a, c, e, f “sai” và b, d “đúng”, đạt 0.25

điểm/nhận định

- Nếu sinh viên nêu nhận định a, c, e, f “sai”; b, d “đúng” và giải thích đúng, đầy đủ,

hợp lý đạt 0.75 điểm/nhận định

- Sinh viên trả lời theo cách khác nhưng hợp lý vẫn đạt điểm tối đa cho mỗi nhận định.

a. Nhận định a sai (0.25 điểm). Theo Điều lệ công ty quy định (0.25 điểm), nếu điều lệ công ty không quy định Chủ tịch Hội đồng quản trị là đại diện theo pháp luật thì Tổng giám đốc (giám đốc) sẽ thực hiện chức năng này (0.25 điểm).

b. Nhận định b đúng (0.25 điểm). Thành viên góp vốn trong công ty hợp danh đã được quyền tự do chuyển nhượng phần vốn của mình (0.25 điểm) tại công ty cho người khác (0.25 điểm)

c. Nhận định c sai (0.25 điểm). Cổ đông sáng lập trong công ty cổ phần không bắt buộc phải là cá nhân (0.25 điểm), có thể là tổ chức (0.25 điểm)

d. Nhận định d đúng (0.25 điểm). Việc thành lập công ty TNHH tại Tỉnh X không phụ thuộc vào hộ khẩu thường trú của các sáng lập viên (0.25 điểm). Pháp luật doanh nghiệp không quy định thành viên phải có hộ khẩu tương ứng với Tỉnh, thành phố nơi công ty thành lập (0.25 điểm).

e. Nhận định e sai (0.25 điểm). Công ty TNHH một thành viên do một cá nhân bỏ vốn thành lập (0.25 điểm) và chịu trách nhiệm về các khoản nợ, các nghĩa vụ tài sản khác của công ty trong phạm vi số vốn điều lệ của công ty (0.25 điểm) .

f. Nhận định f sai (0.25 điểm) Ủy ban nhân dân cấp huyện nơi Hợp tác xã đăng ký kinh doanh chỉ có thẩm quyền tuyên bố giải thể đối với hợp tác xã đó (0.25 điểm). Thẩm quyền tuyên bố phá sản thuộc về Tòa án nhân dân cấp huyện nơi Hợp tác xã đăng ký kinh doanh (0.25 điểm)

Câu 2 (3.00 điểm):

Câu a (1.50 điểm). Trong thời gian hoạt động ông A không thể thành lập doanh nghiệp tư

nhân khác (0.25 điểm) vì theo quy định của pháp luật doanh nghiệp thì một cá nhân chỉ được phép thành lập một doanh nghiệp tư nhân (0.25 điểm). Sở dĩ pháp luật doanh nghiệp đưa ra hạn chế này vì chủ doanh nghiệp tư nhân phải tự chịu trách nhiệm bằng toàn bộ tài sản của mình về mọi khoản nợ của doanh nghiệp (0.25 điểm), có nghĩa là phải chịu trách nhiệm vô hạn về mọi khoản nợ trong kinh doanh, toàn bộ tài sản của doanh nghiệp và chủ sở hữu doanh nghiệp phải được đảm bảo để thực hiện nghĩa vụ của doanh nghiệp (0.25 điểm). Vì chế độ trách nhiệm với mỗi chủ doanh nghiệp tư nhân là trách nhiệm vô hạn, nên để hạn chế rủi ro cho các tổ chức cá nhân là đối tác, chủ nợ (0.25 điểm) v.v... và hạn chế việc lạm dụng việc thành lập thêm nhiều doanh nghiệp tư nhân khác nên pháp luật quy định điều này (0.25 điểm).

Câu b (1.50 điểm). Doanh nghiệp tư nhân có thể chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn theo quyết định của chủ doanh nghiệp tư nhân nếu đủ các điều kiện sau đây:

- Có đủ các điều kiện để được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (0.25 điểm)
- Chủ doanh nghiệp tư nhân phải là chủ sở hữu công ty (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên là cá nhân), hoặc thành viên (đối với trường hợp chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên) (0.25 điểm)
- Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản chịu trách nhiệm cá nhân bằng toàn bộ tài sản của mình đối với tất cả các khoản nợ chưa thanh toán của doanh nghiệp tư nhân (0.25 điểm) và cam kết thanh toán đủ số nợ khi đến hạn (0.25 điểm)
- Chủ doanh nghiệp tư nhân có thoả thuận bằng văn bản với các bên của hợp đồng chưa thanh lý về việc công ty trách nhiệm hữu hạn được chuyển đổi tiếp nhận và thực hiện các hợp đồng đó (0.25 điểm)
- Chủ doanh nghiệp tư nhân cam kết bằng văn bản hoặc có thoả thuận bằng văn bản với các thành viên góp vốn khác về việc tiếp nhận và sử dụng lao động hiện có của doanh nghiệp tư nhân (0.25 điểm).

Câu 3 (2.50 điểm):

Ngày 10.2.2007, Tòa án nhân dân Thành phố B ra quyết định mở thủ tục phá sản công ty

X. Sau khi Hội nghị chủ nợ không thành, Thẩm phán ra quyết định mở thủ tục và tiến hành thanh lý tài sản đối với doanh nghiệp. Theo quy định của pháp luật phá sản thì việc phân chia nợ cho các chủ nợ được tiến hành theo thứ tự ưu tiên thanh toán, như sau:

1. Chi phí phá sản là 30 triệu VNĐ (0.25 điểm)
2. Khoản nợ lương người lao động 2 tỷ VNĐ (0.25 điểm)
3. Nợ vốn vay người lao động (500 triệu VNĐ) (0.25 điểm) + Nợ các chủ nợ không bảo đảm là 2 tỷ (chủ nợ A: 1 tỷ VNĐ, chủ nợ B: 500 triệu VNĐ, chủ nợ C: 500 triệu VNĐ) (0.25 điểm). Các khoản nợ không có bảo đảm này phải trả cho các chủ nợ trong danh sách theo nguyên tắc nếu giá trị tài sản đủ thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ được thanh toán đủ số nợ của mình (0.25 điểm); nếu giá trị tài sản không đủ thanh toán các khoản nợ thì mỗi chủ nợ chỉ được thanh toán một phần khoản nợ của mình (0.25 điểm) theo tỉ lệ tương ứng (0.25 điểm).
4. Nợ thuế (0.25 điểm). Trường hợp doanh nghiệp bị tuyên bố phá sản đã thực hiện các khoản thanh toán theo quy định của pháp luật phá sản mà không còn tài sản để nộp tiền thuế thì được xóa nợ tiền thuế (0.25 điểm).

ĐÁP ÁN ĐỀ THI HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ

K11- CAO ĐẲNG HỆ CHÍNH QUY

Ngày thi: Sáng 5/7/2010

Đề số 04

Câu 1 (4.50 điểm):

- Nếu sinh viên chỉ nêu các nhận định a, d, e, f “sai”; b, d “đúng” đạt 0.25 điểm/nhận định
- Nếu sinh viên nêu nhận định a, d, e, f “sai”; b, d “đúng” và giải thích đúng, đầy đủ,

hợp lý đạt 0.75 điểm/nhận định

- Sinh viên trả lời theo cách khác nhưng hợp lý vẫn đạt điểm tối đa cho mỗi nhận định.

a. Nhận định a sai (0.25 điểm). Đối với công ty cổ phần có trên 11 cổ đông là cá nhân

(0.25 điểm) hoặc có cổ đông là tổ chức sở hữu trên 50% tổng số cổ phần của công ty thì phải có Ban kiểm soát(0.25 điểm).

b. Nhận định b đúng (0.25 điểm). Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên được

chuyển đổi thành công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên hoặc công ty cổ phần khi chủ sở hữu công ty đã góp đủ số vốn vào công ty như đã cam kết (0.25 điểm). Công ty được chuyển đổi bằng cách chủ sở hữu công ty chuyển nhượng, cho, tặng một phần sở hữu của mình tại công ty cho một hoặc một số người khác; hoặc công ty huy động thêm vốn góp từ một hoặc một số người khác (0.25 điểm).

c. Nhận định c đúng (0.25 điểm). Nội dung hợp đồng là những điều, khoản mà các bên

thỏa thuận, phải hợp pháp và không trái với chuẩn mực đạo đức xã hội(0.25 điểm). Mọi thỏa thuận trong hợp đồng phải hoàn toàn phù hợp với những quy định của pháp luật, các bên phải tự chịu trách nhiệm về việc không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ, không được lợi dụng giao kết hợp đồng để hoạt động trái pháp luật, đạo đức xã hội. Đây là quy định có ý nghĩa quan trọng trong việc bảo vệ trật tự kỷ cương của Nhà nước trong lĩnh vực hợp đồng (0.25 điểm).

d. Nhận định d sai (0.25 điểm). Xã viên có thể góp nhiều hơn mức vốn tối thiểu (0.25

điểm) nhưng ở mọi thời điểm không vượt quá 30% của tổng số vốn điều lệ của HTX (0.25 điểm).

e. Nhận định e sai (0.25 điểm). Đối với các hợp đồng vay, cho vay, bán tài sản có giá trị

bằng hoặc lớn hơn 50% tổng giá trị tài sản được ghi trong báo cáo tài chính tại thời điểm công bố gần nhất của công ty (0.25 điểm) hoặc một tỷ lệ khác nhỏ hơn quy định tại Điều lệ công ty thì Tổng giám đốc (Giám đốc) công ty không được tự quyết định mà phải thông qua Hội đồng thành

viên(0.25 điểm).

f. Nhận định f sai (0.25 điểm) Chủ sở hữu công ty TNHH một thành viên được quyền rút vốn bằng cách chuyển nhượng một phần hoặc toàn bộ vốn điều lệ cho tổ chức hoặc cá nhân khác (0.25 điểm); trường hợp rút vốn bằng cách khác thì phải liên đới chịu trách nhiệm về các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác của công ty (0.25 điểm).

Câu 2 (5.50 điểm)

Câu a (1.00 điểm). Theo quy định của pháp luật hiện hành thì người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp (Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc giám đốc công ty) là chủ thể có thẩm quyền giao kết hợp đồng nhân danh công ty (0.25 điểm), trường hợp nếu chủ thể này vắng thì phải có văn bản ủy quyền(0.25 điểm). Vì vậy, trường hợp này hợp đồng này sẽ bị vô hiệu nếu bên A do bà T là phó giám đốc đại diện ký hợp đồng nhưng không có văn bản ủy quyền của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp, có nghĩa hợp đồng vô hiệu do vi phạm thẩm quyền ký kết (0.25 điểm). Trường hợp có văn bản ủy quyền thì hợp đồng vẫn có hiệu lực pháp lý đối với các bên (0.25 điểm). Câu b (1.50 điểm). Giả sử đợt 1, bên A thực hiện việc giao hàng đúng đầy đủ nhưng bên B

chưa thanh toán tiền hàng đợt 1 nên bên A đã quyết định tạm ngưng thực hiện hợp đồng, không giao tiếp lô hàng đợt 2.

- Nếu trong hợp đồng các bên có thỏa thuận việc “chậm thanh toán tiền hàng đợt 1” là điều kiện để tạm ngưng thực hiện hợp đồng thì hành vi tạm ngưng thực hiện hợp đồng của bên A là đúng(0.25 điểm), ngược lại nếu không có thỏa thuận thì hành vi của bên A là sai (0.25 điểm).

- Trong trường hợp bên A được quyền tạm ngưng thực hiện hợp đồng thì phải thông báo ngay cho bên B biết về việc tạm ngưng(0.25 điểm). Nếu không thông báo ngay mà gây thiệt hại cho bên B thì bên A phải bồi thường thiệt hại(0.25 điểm). Như vậy, yêu cầu của bên B đưa ra là đúng trong trường hợp này(0.25 điểm), bên A đã vi phạm nghĩa vụ thông báo đối với B và gây thiệt hại cho B nên bên A phải bồi thường cho B trên cơ sở thiệt hại mà B chứng minh được(0.25

điểm).

Câu c (1.00 điểm) Ngày 1.9.2008, bên A giao hàng đ ợt 2 cho bên B, sau khi kiểm tra lô hàng đã phát hiện một số hàng trị giá 200 triệu VNĐ không đảm bảo chất l ượng theo đúng mẫu hàng. Bên B đã thông báo cho bên A và được bên A chấp nhận. Như vậy:

A đã vi phạm nghĩa vụ giao hàng đúng chất lượng (0.25 điểm). Theo quy định của pháp luật thương mại thì mức phạt đối với vi phạm nghĩa vụ hợp đồng hoặc tổng mức phạt đối với nhiều vi phạm do các bên thỏa thuận trong hợp đồng, nhưng không quá 8 % giá tr ị phần nghĩa vụ hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp cấp chứng thư giám định có kết quả sai do lỗi vô ý th ì mức phạt thỏa thuận không quá 10 lần chi phí th ù lao giám định (0.25 điểm). Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về phạt vi phạm hợp đồng v à thỏa thuận mức phạt là 7% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm là phù hợp với quy định của pháp luật th ương mại. Vậy, trong trường hợp này, bên B có quyền áp dụng chế tài phạt đối với A với mức phạt mà các bên đã thỏa thuận (0.25 điểm). A phải nộp phạt cho B với số tiền l à : $7\% \times 200 \text{ triệu đồng} = 14 \text{ triệu đồng}$ (0.25 điểm)

Câu d (2.00 điểm). Đây là tranh chấp trong lĩnh vực mua bán h àng hóa nên Tòa án cấp huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc Tỉnh có thẩm quyền giải quyết (0.25 điểm) theo thủ tục sơ thẩm vụ tranh chấp này (0.25 điểm).

- Nếu các bên có thỏa thuận bằng văn bản về việc T òa án nơi nguyên đơn có trụ sở chính sẽ có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục s ơ thẩm vụ tranh chấp này (0.25 điểm) thì Tòa án quận Y - TpX sẽ có thẩm quyền giải quyết (0.25 điểm) .

- Nếu không có thỏa thuận trên thì nguyên đơn phải khởi kiện ra Tòa án nơi bị đơn có trụ sở chính để yêu cầu giải quyết theo thủ tục s ơ thẩm vụ tranh chấp này (0.25 điểm) - Tòa án quận K, TpS (0.25 điểm).

- Đây là trường hợp nguyên đơn được quyền lựa chọn Tòa án nên Tòa án nơi chi nhánh của công ty tọa lạc (0.25 điểm) - Tòa án huyện M, tỉnh N cũng có thẩm quyền giải quyết vụ tranh chấp này (0.25 điểm).

.....
ĐÁP ÁN HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ - K11 (LẦN 1)

NGÀY THI: SÁNG 05/07/2010

ĐỀ SỐ 05

.....

CÂU 1 (2.50 điểm): Giải thích các nhận định

SV trả lời chính xác và giải thích hợp lý cho từng nhận định khẳng định thì đạt: 0.50 điểm/
nhận định (chỉ trả lời đúng hay sai phù hợp với từng nhận định mà không giải thích thì đạt 0.25
điểm/nhận định; SV giải thích theo cách khác với cách giải thích d ưới đây nhưng nếu hợp lý thì
vẫn chấp nhận cho điểm tối đa):

a) Nhận định a là nhận định đúng.

Giải thích: Có thể dựa vào tư cách thành viên hợp danh và thành viên góp vốn để trình bày
(nếu CTHD có 02 loại thành viên thì TVHD là người đại diện cho công ty, TVGV không có
quyền đại diện theo pháp luật cho công ty, điều hành hoạt động của công ty) hoặc dựa vào quy
định về cơ cấu tổ chức: TVHD có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động
kinh doanh hàng ngày của công ty (Điều 137-LDN).

b) Nhận định b là nhận sai.

GT: Việc chia tách doanh nghiệp chỉ đ ược áp dụng đối với loại hình CTCP, công ty TNHH
(không áp dụng loại hình CT HD).

c) Nhận định c là nhận định sai.

GT: Đây là đối tượng không thuộc trường hợp cấm thành lập và quản lý doanh nghiệp theo
quy định tại Khoản 2- Điều 13 LDN 2005 (không y êu cầu SV phải trình bày đầy đủ, cụ thể các
trường hợp không đ ược thành lập, quản lý doanh nghiệp tại Điều 13 LDN).

d) Nhận định d là nhận định sai.

GT: Cán bộ, công chức là xã viên nói riêng và xã viên của hợp tác xã nói chung có quyền

góp vốn nhưng không vượt quá 30% vốn điều lệ của hợp tác xã (Điều 19 Luật HTX 2003).

e) Nhận định e là nhận định đúng.

GT: Theo quy định của LDN về các tiêu chuẩn của Giám đốc (Tổng Giám đốc) thì Giám đốc (Tổng Giám đốc) phải là người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ (Điều 57). Theo quy định của Bộ luật Dân sự 2005 thì người có năng lực hành vi dân sự đầy đủ phải là người thành niên (từ đủ 18 tuổi trở lên).

CÂU 2 (4.00 điểm):

a) Phân biệt giải thể với phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã (2.00 điểm): Nêu khái quát

các trường hợp sau:

- Lý do, nguyên nhân (0.50 điểm): Lý do giải thể rộng hơn nhiều so với lý do phá sản. Việc giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã cơ bản phụ thuộc vào ý chí của chủ sở hữu (trừ trường hợp giải thể bắt buộc); còn nguyên nhân dẫn đến phá sản về cơ bản nằm ngoài ý muốn của chủ doanh nghiệp mắc nợ (trừ trường hợp phá sản man trá nhằm chiếm đoạt tài sản của các chủ nợ).
- Về điều kiện (0.50 điểm): Việc giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã được cơ quan Nhà nước có thẩm quyền cho phép khi doanh nghiệp, hợp tác xã đó đảm bảo thanh toán hết các khoản nợ và thanh lý hết mọi hợp đồng đã ký kết. Còn thủ tục phá sản chỉ được mở trên cơ sở yêu cầu của chủ nợ, các cổ đông của công ty cổ phần, TVHD của CTHD, đại diện người lao động hoặc của chính doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ khi chính doanh nghiệp, hợp tác xã đó lâm vào tình trạng mất khả năng thanh toán nợ đến hạn khi chủ nợ có yêu cầu.
- Về thẩm quyền (0.25 điểm): Việc giải thể DN, HTX là do những người đứng đầu doanh nghiệp, hợp tác xã tự mình quyết định hoặc do cơ quan có thẩm quyền cho phép thành lập quyết định, còn việc tuyên bố phá sản lại thuộc thẩm quyền của Tòa án.
- Về thủ tục (0.25 điểm): Thủ tục tiến hành giải thể doanh nghiệp, hợp tác xã là một thủ tục hành chính do cơ quan hành chính thực hiện hoặc chấp thuận trong quá trình giám sát việc giải thể của doanh nghiệp, hợp tác xã. Còn thủ tục phá sản doanh nghiệp, hợp tác xã do cơ quan có

thẩm quyền duy nhất là Tòa án tiến hành, vì vậy về cơ bản thủ tục phá sản được diễn ra theo một trình tự tư pháp.

- Về hậu quả pháp lý (0.50 điểm):

+ Giải thể bao giờ cũng dẫn đến chấm dứt hoạt động và xóa tên DN, HTX trong sổ ĐKKD; còn phá sản DN, HTX thì không phải bao giờ cũng dẫn đến chấm dứt sự hoạt động của doanh nghiệp, hợp tác xã mắc nợ (0.25 điểm).

+ Về chế tài pháp lý của nhà nước áp dụng đối với chủ sở hữu hay người quản lý, điều hành DN, HTX (0.25 điểm): DN, HTX bị giải thể thì người đại diện, quản lý của doanh nghiệp không bị hạn chế quyền kinh doanh. Nhưng DN, HTX bị tuyên bố phá sản thì có một số đối tượng bị cấm thành lập, quản lý DN, HTX từ 01 đến 03 năm.

b) So sánh cơ chế giải quyết tranh chấp bằng Trọng tài thương mại với Tòa án: 2.00 điểm:

* Giống nhau (0.25 điểm): Đây là cơ quan tài phán có thẩm quyền giải quyết các tranh chấp thương mại, phán quyết được đảm bảo thi hành từ phía cơ quan nhà nước, đảm bảo một số yêu cầu của việc giải quyết tranh chấp kinh doanh,...

* Khác nhau (1.75 điểm):

- Trình bày được thẩm quyền hoặc phạm vi giải quyết tranh chấp (0.25 điểm):

+ Tòa án thì thẩm quyền đương nhiên nhưng đối với Trọng tài thì Thẩm quyền được hình thành từ sự thỏa thuận của các bên (các bên có thuận trọng tài thì trọng tài giải quyết trừ thỏa thuận trọng tài vô hiệu).

+ Tòa án có thẩm quyền giải quyết tất cả các lĩnh vực hình sự, dân sự, kinh doanh, thương mại. Nhưng Trọng tài thì thông thường chỉ giới hạn trong lĩnh vực thương mại

- Vị trí, cơ cấu tổ chức (0.25 điểm): Tòa án là cơ quan tài phán của nhà nước, tổ chức thành hệ thống từ trung ương đến địa phương, Trọng tài là tổ chức phi chính phủ, được tổ chức thành các trung tâm trọng tài.

- Về thủ tục giải quyết (0.75 điểm):

+ Tính linh hoạt (0.25 điểm): Các thủ tục của Tòa án có tính bắt buộc đối với các bên nhưng đối với trọng tài thì thủ tục linh hoạt, các bên được tự do thỏa thuận giải quyết tranh chấp về thời gian, địa điểm,... Tố tụng tại Tòa án là loại tố tụng do nhiều cấp xét xử, còn tố tụng trọng tài là loại tố tụng mà ở đó chỉ xét xử một lần (tính chung thẩm: Các bản án của tòa có thể bị kháng cáo, kháng nghị nhưng quyết định của trọng tài có tính chất chung thẩm);

+ Tòa án xét xử theo nguyên tắc tập thể nhưng đối với trọng tài thì việc xét xử tập thể hay không là do các bên tranh chấp tự thỏa thuận quyết định; Nguyên tắc bất di bất dịch của tố tụng Tòa án là thẩm quyền về mặt lãnh thổ nhưng đối tố tụng Trọng tài thì nguyên tắc này không đặt ra (0.25 điểm)

+ Thời gian giải quyết (0.25 điểm): Quá trình tố tụng tại Tòa án thường bị trì hoãn và kéo dài nhưng tố tụng trọng tài thường nhanh chóng hơn TA (TT có thể giải quyết theo một thời gian ngắn theo sự thỏa thuận của cá nhân).

- Trình bày được về sự công nhận quốc tế hoặc các biện pháp khẩn cấp tạm thời (0.25 điểm): Các bản án của TA thường khó đạt được sự công nhận quốc tế như các quyết định của TT được công nhận trong phạm vi quốc tế. Các biện pháp khẩn cấp tạm thời khi Tòa án xét xử thì do TA Áp dụng trực tiếp nhưng đối với trọng tài xử thì được áp dụng gián tiếp qua trọng tài. Tòa án thực hiện trực tiếp nhưng về vấn đề nhân chứng nhưng trọng tài thì thực hiện gián tiếp thông qua tòa án.

- Trình bày các vấn đề khác có liên quan, diễn đạt tốt (0.25 điểm): Năng lực chuyên môn của những người phân xử (Các thẩm phán thường có chuyên môn trong một số lĩnh vực trong khi đó lại phải giải quyết tất cả các tranh chấp thuộc nhiều lĩnh vực khác nhau; Các Trọng tài viên thường là những người có kiến thức và trình độ chuyên môn sâu trong nhiều lĩnh vực tranh chấp),...

CÂU 3 (3.50 điểm): Bài tập tình huống (được điều chỉnh bởi LTM 2005)

a) Xác định cơ quan tài phán (1.50 điểm):* Yêu cầu đề bài chỉ nói đến cơ quan tài phán nhưng trong đề bài cũng đã nêu rõ là CTCP

B nộp đơn đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết. Do đó, cơ quan tài phán cần giải quyết là Tòa án có thẩm quyền (0.25 điểm).

* Xác định Tòa án cụ thể giải quyết (1.25 điểm): Căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 để xác định tòa án với giải thích dựa vào các căn cứ:

- Thẩm quyền của Tòa án theo vụ việc (mua bán hàng hóa): 0.25 điểm.

- Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: 0.25 điểm.

- Thẩm quyền của Tòa án các cấp: 0.25 điểm.

- Kết luận (0.50 điểm):

+ CTCP B là bên khởi kiện nên đây là nguyên đơn nên sẽ nộp đơn đến TAND thành phố

Q- Tỉnh H (nơi bị đơn là CT TNHH A).

+ Nếu giữa nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận TAND nơi nguyên đơn giải quyết thì TAND thị xã K- Tỉnh Đ giải quyết.

b) Hướng giải quyết (2.00 điểm):

* Chế tài BTTH (0.50 điểm): Chế tài BTTH áp dụng khi có thiệt hại thực tế xảy ra và thiệt hại này đã được CTCP B chứng minh (0.25 điểm). Do đó, CT TNHH A phải bồi thường thiệt hại thực tế cho CTCP B với số tiền là 30 triệu đồng (0.25 điểm).

* Chế tài Phạt vi phạm hợp đồng (1.25 điểm):

- Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về vấn đề phạt vi phạm hợp đồng và thỏa thuận mức phạt vi phạm là 3% giá trị phần hợp đồng bị vi phạm (cao nhất) nên điều khoản này phù hợp với quy định của Luật Thương mại (Luật Thương mại cho phép phạt đến mức 8% giá trị phần nghĩa vụ phần hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp giám định sai là không quá 10 lần chi phí thù lao; mối quan hệ giữa chế tài phạt vi phạm và BTTH). Do đó, bên vi phạm ngoài việc áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại với số tiền 30 triệu đồng thì có quyền áp dụng chế tài phạt vi

phạm hợp đồng (0.50 điểm).

- Xác định loại vi phạm (0.75 điểm): CT TNHH A có 02 loại hành vi vi phạm:

+ Vi phạm về ngày giao hàng (thời hạn thực hiện hợp đồng đạt 0.25 điểm): Giá trị phần vi phạm là toàn bộ giá trị lô hàng ở đợt giao hàng thứ 02 của 60 xe mô tô, trị giá 1.2 tỉ đồng (mỗi xe trị giá: $4.000.000.000 \text{ đ} / 200 = 20.000.000 \text{ đ}$ đồng). Vậy số tiền mà CTCP B được quyền phạt là:
 $3\% \times 1,2 \text{ tỉ đồng} = 36 \text{ triệu đồng}$.

+ Vi phạm về chất lượng (0.25 điểm): Giá trị phần vi phạm là giá trị của số xe mô tô không đúng chất lượng của 25 xe mô tô, trị giá 500 triệu đồng (mỗi xe trị giá: $4.000.000.000 \text{ đ} / 200 = 20.000.000 \text{ đ}$ đồng). Vậy số tiền mà CTCP B được quyền phạt là:
 $3\% \times 500 \text{ triệu đồng} = 15 \text{ triệu đồng}$.

+ Chọn mức phạt (0.25 điểm): CTCP B có quyền phạt vi phạm hợp đồng đối với CT TNHH A với mức tối đa là 36 triệu đồng.

*Kết luận (0.25 điểm): Cơ quan có thẩm quyền giải quyết áp dụng mức phạt vi phạm và bồi thường thiệt hại trong trường hợp này là không quá 66 triệu đồng (36 triệu đồng là phạt vi phạm + 30 triệu đồng là BTTH). Yêu cầu phạt vi phạm và BTTH mà CTCP B đưa ra với số tiền 165 triệu đồng là không phù hợp.

.....
ĐÁP ÁN HỌC PHẦN PHÁP LUẬT KINH TẾ - K11 (LẦN 1)

NGÀY THI: SÁNG 05/07/2010

ĐỀ SỐ 06

.....
CÂU 1 (3.00 điểm): Giải thích các nhận định

SV trả lời chính xác và giải thích hợp lý cho từng nhận định khẳng định thì đạt: 0.50 điểm/
nhận định (chỉ trả lời đúng hay sai phù hợp với từng nhận định mà không giải thích thì đạt 0.25 điểm/nhận định; SV giải thích theo cách khác với cách giải thích dưới đây nhưng nếu hợp lý thì

vấn chấp nhận cho điểm tối đa):

a) Nhận định a là nhận định sai.

Giải thích: PLKT không phải là một ngành luật (không có đối tượng và phương pháp điều chỉnh) mà là một khái niệm tổng hợp, bao gồm các quy phạm pháp luật thuộc nhiều ngành luật khác nhau, điều chỉnh các quan hệ xã hội phát sinh trong quá trình vận hành, quản lý nền kinh tế và quá trình hoạt động sản xuất, kinh doanh.

b) Nhận định b là nhận định sai.

GT: Việc tiếp nhận thêm thành viên mới trong CTHD phải được Hội đồng thành viên chấp nhận (nếu là tiếp nhận thành viên hợp danh thì phải được sự nhất trí ít nhất $\frac{3}{4}$ tổng số thành viên hợp danh; không phải nguyên tắc nhất trí như LDN 1999).

c) Nhận định c là nhận định đúng.

GT: LDN quy định việc chia tách doanh nghiệp chỉ áp dụng đối với loại hình CTCP, CT TNHH. Việc hợp nhất doanh nghiệp được áp dụng đối với công ty.

d) Nhận định d là nhận định đúng.

GT: LDN cho phép thành viên hợp danh thực hiện quyền này (khoản 5 Điều 45). Đây là một quyền về tài sản và là loại hình CT TNHH (đối vốn: biểu quyết trên cơ sở phần vốn góp) nên việc thực hiện này đảm bảo quyền lợi cho công ty và thành viên công ty.

e) Nhận định e là nhận định đúng.

GT: Có thể dựa vào tư cách thành viên hợp danh và thành viên góp vốn để trình bày (nếu CTHD có 02 loại thành viên thì TVHD là người đại diện cho công ty, TVGV không có quyền đại diện theo pháp luật cho công ty, điều hành hoạt động của công ty) hoặc dựa vào quy định về cơ cấu tổ chức: TVHD có quyền đại diện theo pháp luật và tổ chức điều hành hoạt động kinh doanh hàng ngày của công ty (Điều 137-LDN). Thành viên góp vốn không được tham gia quản lý, không được tiến hành công việc kinh doanh công ty (Khoản 2 Điều 140 LDN).

f) Nhận định f là nhận định sai.

GT: Nhận định này chỉ đúng đối với chủ DNTN, pháp luật không hạn chế số lượng công ty TNHH, CTCP mà cá nhân tham gia thành lập, quản lý (một cá nhân có quyền thành lập nhiều CT TNHH,...).

CÂU 2 (4.00 điểm):

a) Trình bày quy định của pháp luật Doanh nghiệp về hợp nhất CTCP (1.75 điểm).

* Khái niệm (0.25 điểm): Hai hay một số CTCP có thể hợp nhất thành một CTCP mới (sau đây gọi là công ty hợp nhất) bằng cách chuyển toàn bộ tài sản, quyền, nghĩa vụ và lợi ích hợp pháp sang công ty hợp nhất, đồng thời chấm dứt tồn tại của các công ty bị hợp nhất.

* Thủ tục tiến hành (0.75 điểm):

- Các CTCP bị hợp nhất chuẩn bị hợp đồng hợp nhất (0.25 điểm).

Nội dung của Hợp đồng hợp nhất (0.25 điểm): Có các nội dung chủ yếu về tên, địa chỉ trụ

sở chính của CTCP bị hợp nhất; tên, địa chỉ trụ sở chính của CTCP hợp nhất; thủ tục và điều

kiện hợp nhất; phương án sử dụng lao động; thời hạn, thủ tục và điều kiện chuyển đổi tài sản, chuyển đổi phần vốn góp, cổ phần, trái phiếu của CTCP hợp nhất; thời hạn thực hiện hợp nhất;

dự thảo Điều lệ CTCP hợp nhất.

- Các cổ đông của CTCP bị hợp nhất thông qua hợp đồng hợp nhất, Điều lệ CTCP

hợp nhất, bầu hoặc bổ nhiệm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc

CTCP hợp nhất và tiến hành ĐKKD CTCP hợp nhất theo quy định của Luật doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, hồ sơ ĐKKD phải kèm theo hợp đồng hợp nhất. Hợp đồng hợp

nhất phải được gửi đến các chủ nợ và thông báo cho người lao động biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thông qua (0.25 điểm).

* Những hạn chế đặt ra khi tiến hành hợp nhất CTCP (0.50 điểm):

- Trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần từ 30% đến 50% trên thị

trường liên quan thì đại diện hợp pháp của công ty bị hợp nhất phải thông báo cho cơ quan quản lý cạnh tranh trước khi tiến hành hợp nhất, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định

khác (0.25 điểm)

- Cấm các trường hợp hợp nhất mà theo đó công ty hợp nhất có thị phần trên 50% trên thị trường liên quan, trừ trường hợp pháp luật về cạnh tranh có quy định khác (0.25 điểm).

* Hậu quả pháp lý (0.25 điểm): Sau khi đăng ký kinh doanh, các CTCP bị hợp nhất chấm dứt tồn tại; CTCP hợp nhất được hưởng các quyền và lợi ích hợp pháp, chịu trách nhiệm về các khoản nợ chưa thanh toán, hợp đồng lao động và các nghĩa vụ tài sản khác của các công ty bị hợp nhất.

b) Trình bày trình tự, thủ tục thành lập doanh nghiệp tư nhân (2.25 điểm):

* Cá nhân không thuộc trường hợp cấm thành lập doanh nghiệp tư nhân sẽ thực hiện thủ tục thành lập như sau (có thể SV nêu theo Nghị định 88/2006/NĐ-CP hoặc Nghị định số 43/2010/NĐ-CP thì vẫn chấp nhận, yêu cầu chỉ cần trình bày như LDN 2005 là đạt yêu cầu):

- Người thành lập doanh nghiệp phải nộp đủ hồ sơ đăng ký kinh doanh theo quy định của LDN tại cơ quan đăng ký kinh doanh có thẩm quyền và phải chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của nội dung hồ sơ đăng ký kinh doanh nghiệp (0.50 điểm). Hồ sơ đăng ký kinh DNTN (0.50 điểm): Giấy đề nghị ĐKKD theo mẫu thống nhất do cơ quan ĐKKD có thẩm quyền quy định; Bản sao Giấy CMND, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Văn bản xác nhận về vốn của cơ quan, tổ chức có thẩm quyền đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có vốn pháp định; Chứng chỉ ngành nghề của Giám đốc và cá nhân khác đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề mà theo quy định của pháp luật phải có chứng chỉ hành nghề.

- Cơ quan đăng ký kinh doanh có trách nhiệm xem xét hồ sơ đăng ký kinh doanh và cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh trong thời hạn 10 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ. Nếu từ chối cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thì phải thông báo bằng văn bản cho người thành lập doanh nghiệp biết. Thông báo phải nêu rõ lý do và các yêu cầu sửa đổi, bổ sung (0.25 điểm).

- Cơ quan đăng ký kinh doanh xem xét và chịu trách nhiệm về tính hợp lệ của hồ sơ khi cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh; không được yêu cầu người thành lập doanh nghiệp nộp thêm các giấy tờ khác không quy định trong Luật doanh nghiệp (0.25 điểm).

- Thời hạn cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh gắn với dự án đầu tư cụ thể thực hiện theo quy định của pháp luật về đầu tư (0.25 điểm).

* Công bố nội dung đăng ký kinh doanh: Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày được cấp Giấy chứng nhận ĐKKD, doanh nghiệp phải đăng trên mạng thông tin doanh nghiệp của cơ quan đăng ký kinh doanh hoặc một trong các loại tờ viết hoặc báo điện tử trong ba số liên tiếp về các nội dung chủ yếu sau đây (0.50 điểm): Tên doanh nghiệp; Địa chỉ trụ sở chính của doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện; Ngành, nghề kinh doanh; Vốn đầu tư ban đầu đối với doanh nghiệp tư nhân; vốn pháp định đối với doanh nghiệp kinh doanh ngành, nghề đòi hỏi phải có vốn pháp định; Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp của người đại diện theo pháp luật của doanh nghiệp; Nơi đăng ký kinh doanh nghiệp. **CÂU 3 (3.00 điểm): Bài tập tình huống:**

a) Xác định cơ quan tài phán (1.50 điểm): Yêu cầu đề bài chỉ nói đến cơ quan tài phán nói chung chứ không nêu rõ trọng tài hay Tòa án nên SV phải chia 02 trường hợp:

* Trọng tài thương mại (0.50 điểm): Nếu các bên chỉ đề cập đến trọng tài mà không giải thích hoặc giải thích sai thì 0.25 điểm; Nếu có giải thích phù hợp (0.50 điểm): Nếu trước hoặc sau khi xảy ra tranh chấp mà các bên có thỏa thuận giải quyết bằng trọng tài thì Trọng tài có thẩm quyền giải quyết; Tòa án không thụ lý giải quyết trừ khi có thỏa thuận trọng tài nhưng thỏa thuận đó là vô hiệu. Do đó, CTCP B nộp đơn đến Tòa án thì Tòa án không giải quyết mà phải khởi kiện tại Trọng tài có thẩm quyền.

* Tòa án (1.00 điểm): Căn cứ vào quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự 2004 để xác định tòa án với giải thích dựa vào các căn cứ:

- Thẩm quyền của Tòa án theo vụ việc (mua bán hàng hóa): 0.25 điểm.

- Thẩm quyền của Tòa án theo lãnh thổ: 0.25 điểm.

- Thẩm quyền của Tòa án các cấp: 0.25 điểm.

- Kết luận (0.25 điểm): CTCP B là bên khởi kiện nên đây là nguyên đơn nên sẽ nộp đơn đến TAND Huyện H- Tỉnh Q (nơi bị đơn là CT TNHH A). Nếu giữa nguyên đơn và bị đơn có văn bản thỏa thuận TAND nơi nguyên đơn giải quyết thì TAND thị xã Q- Tỉnh S giải quyết.

b) Hướng giải quyết (1.50 điểm):

* Chế tài BTTH (0.50 điểm): Chế tài BTTH áp dụng khi có thiệt hại thực tế xảy ra và thiệt hại này đã được CTCP B chứng minh (0.25 điểm). Do đó, CT TNHH A phải bồi thường thiệt hại thực tế cho CTCP B với số tiền là 40 triệu đồng (0.25 điểm).

* Chế tài Phạt vi phạm hợp đồng (0.75 điểm):

- Trong hợp đồng, các bên có thỏa thuận về vấn đề phạt vi phạm hợp đồng và thỏa thuận mức phạt vi phạm là 10% giá trị hợp đồng bị vi phạm nên điều khoản này không phù hợp với quy định của Luật Thương mại (0.25 điểm).

- Điều khoản phạt vi phạm HĐ do các bên thỏa thuận không có hiệu lực (HĐ vô hiệu từng phần: 0.25 điểm), vì Luật Thương mại 2005 chỉ cho phép phạt đến mức 8% giá trị phần nghĩa vụ phần hợp đồng bị vi phạm, trừ trường hợp giám định sai là không quá 10 lần chi phí thù lao). Do đó, bên vi phạm chỉ có quyền áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại với số tiền 40 triệu đồng thì có quyền áp dụng chế tài phạt vi phạm hợp đồng (0.25 điểm).

* Kết luận (0.25 điểm): Cơ quan có thẩm quyền giải quyết áp dụng chế tài bồi thường thiệt hại trong trường hợp này là không quá 40 triệu đồng. Yêu cầu phạt vi phạm và BTTH mà CTCP B đưa ra với số tiền 120 triệu đồng là không phù hợp.

.....